

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 5 - 2024

V/v Chia tài sản chung sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân

Ông Nguyễn Ngọc Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLPT- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 208/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-PT ngày 29 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn C; địa chỉ: Thôn G, xã H, TP BM, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Phương L; địa chỉ: Số A đường A, Thôn A, xã C, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Vũ Trọng T – Luật sư thuộc Văn phòng L2 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: 8 G, phường T, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

2. Bị đơn: Bà H R; sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn G, xã H, TP BM, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng C1; địa chỉ: B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Chu Thị Cẩm L1; địa chỉ: B C, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

3.2. Văn phòng C2; địa chỉ: D L, thành phố B, tỉnh Đắk (vắng mặt);

3.3. Ngân hàng N3, chi nhánh huyện C, phòng G.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

3.4. Bà H'N1 Kễn, bà H'N2 Kễn, bà H'N3 Kễn, bà H'N4 Kễn, ông Y'S Kễn, ông Y'S1 Kễn, bà H'N5 Kễn, ông Y S2 Kễn, bà H N6 Kễn (đều vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Buôn C, thôn G, xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk;

3.5. Bà H'X ÊBan; địa chỉ: Buôn C, thôn G, xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

3.6. Ông Y P ÊBan ; địa chỉ: Buôn J, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Anh T1; địa chỉ: I T, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

3.7. Ông Y B ÊBan; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường E, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Ông Bùi Văn C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn C trình bày:**

Ngày 22/4/2001, ông Bùi Văn C và bà H R (*vợ cũ*) nhận chuyển nhượng hai lô đất có diện tích khoảng 2.000m², tọa lạc tại thôn G, xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk của gia đình ông J với giá 24.000.000 đồng. Hai thửa đất trên thuộc một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ số 09A, tọa lạc tại xã H, TP BM, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy CNQSD đất số R 403163 do U1 cấp ngày 29/11/2001 mang tên Hộ ông J. Ông C, bà H1 chưa làm thủ tục sang tên thì ông J, bà U chết.

Đối với hai thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông C và bà HR. ông C đã yêu cầu Toà án nhân dân TP Buôn Ma Thuột giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng với bà HR trong vụ án Ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án do các con ông Y D, bà U tự ý làm thủ tục phân chia di sản thừa kế và chuyển nhượng tài sản của ông C và bà HR cho người khác nên ông C đã rút yêu cầu khởi kiện chia đôi với hai tài sản này để khởi kiện thành một vụ án khác, được Toà án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia hai tài sản này.

Hai thửa đất có diện tích khoảng 2.000m² này đã được bà HR thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của gia đình ông J, bà U vào ngày 22/4/2001. Do vậy, ông C khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét các vấn đề cụ thể như sau:

- Tuyên hủy đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 11337, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2020 tại Văn Văn phòng công chứng Đ;

- Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 00005323 quyển số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/5/2021 tại Văn Văn phòng công chứng T3 được thực hiện giữa bà HN1 và bà HX;

- Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 002284 quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/10/2021 tại Văn Văn phòng công chứng T4 được thực hiện giữa bà HX và ông YP;

- Tuyên hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 066062003152/HĐTC ngày 03/6/2022 giữa Ngân hàng N3, chi nhánh C, phòng G và ông YP;

- Đề nghị Toà án kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 187, 185, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk cho ông Bùi Văn C và bà HR cho đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định theo kết quả giải quyết của Tòa án công nhận quyền sử dụng đất này là của ông Bùi Văn C và bà HR;

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất 187, 185, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cùng tài sản trên đất.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn C, nguyên đơn ông Bùi Văn C thống nhất với phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không có yêu cầu trình bày bổ sung thêm.*

**** Người đại diện theo ủy quyền của ông YP trình bày:***

Đối với thửa đất số 185 tờ bản đồ số 75, đất có diện tích là 990,7m² tọa lạc tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 119597 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/5/2021 cho bà HX và thửa đất số 187 tờ bản đồ số 75, đất có diện tích là 998,1m² tọa lạc tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084740 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/5/2021 cho bà HX là tài sản của bà HX đã chuyển nhượng cho ông YP vào ngày 28/10/2021 theo số công chứng 002284 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C3. Khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng các bên đều tự nguyện thực hiện không ai ép buộc, ông YP đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền và nhận tài sản, còn bà HX đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và thực hiện việc bàn giao tài sản cho ông YP. Sau khi nhận tài sản trên ông YP đã thế chấp thửa đất số 185 cho Ngân hàng N3 chi nhánh huyện C, phòng G; Đối với thửa đất số 187 đã được ông P thế chấp cho ông YB để vay tiền. Đối với việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng thế chấp tài sản các bên thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó, việc ông C đề nghị Tòa án hủy các hợp đồng trên là không có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

**** Theo văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt bị đơn bà HR trình bày:***

Do gia đình tôi không có nhà để ở, vào năm 2003 tôi có mượn căn nhà của em gái tôi là bà HX để ở. Tôi nhận thấy việc ông C yêu cầu hủy văn bản công chứng, hủy các hợp đồng chuyển nhượng và công nhận quyền sử dụng đất cho tôi với ông C là không đúng, vì đất đai và nhà cửa không phải của chúng tôi nên tôi không đồng ý với yêu cầu của ông C. Sau khi bà HX chuyển nhượng đất cho ông YP tôi có thỏa thuận tiếp tục thuê căn nhà trên để ở một thời gian.

**** Trong quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:***

Vào đầu tháng 06 năm 2022. Ông YP có đến ngân hàng đề nghị vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh. Sau khi đi kiểm tra, thẩm định năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, mục đích vay vốn và tính pháp lý tài sản thế chấp của khách hàng. Ngân hàng tiến hành lập hợp đồng thế chấp QSD đất, được công

chứng tại Văn phòng C4 ngày 03/06/2022 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP BM ngày 06/06/2022. Tài sản thế chấp tại Agribank Cư kuin P1 là giấy chứng nhận QSD đất số DA 119597 do Sở TNMT tỉnh ĐakLak cấp ngày 27/05/2021.

Sau khi nhận hồ sơ thế chấp đầy đủ, ngày 07 tháng 06 năm 2022, ngân hàng đã giải quyết cho Ông YP vay số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng) tại hợp số tín dụng số 5229LAV202201129 ngày 07/06/2022. Thời hạn vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 07/06/2025. Ông YP là khách hàng có quan hệ tín dụng từ năm 2008 tại P1, vay trả nợ đúng hạn, chưa để nợ xấu phát sinh.

Việc ngân hàng cho ông YP vay vốn được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và của ngành, do đó ngân hàng không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn C. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của Pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Đại diện Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B trình bày:**

Ngày 15/9/2020, Văn phòng C1 tiếp nhận yêu cầu công chứng về việc phân chia di sản thừa kế của ông/bà H'N1 Kễn, bà H'N2 Kễn, bà H'N3 Kễn, bà H'N4 Kễn, ông Y'S Kễn, ông Y'S1 Kễn, bà H'N5 Kễn, ông Y S2 Kễn, bà H N6 Kễn đối với di sản là phần sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 403163 do UBND thành phố BM cấp ngày 29/11/2001 của ông J và bà U.

Sau khi các đồng thừa kế cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc phân chia di sản là phần quyền sử dụng đất nói trên, Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B đã tiến hành việc niêm yết công khai đúng quy định của pháp luật. Hết thời hạn niêm yết theo quy định, Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B không tiếp nhận được bất kì khiếu nại nào và đã được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận về việc đã niêm yết đầy đủ theo quy định. Tại thời điểm công chứng Văn bản phân chia di sản, các đồng thừa kế đều có năng lực hành vi dân sự, hồ sơ pháp lý đầy đủ, việc phân chia di sản thừa kế của các đồng thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối, không bị ép buộc.

Tại thời điểm công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 11337, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2020, Văn phòng C1 hoàn toàn không biết cũng như không tiếp nhận bất kì thông tin hay văn bản nào về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên. Đồng thời, trong Văn bản phân chia di sản, các đồng thừa kế đồng ý để lại toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho bà HN1 để bà HN1 được toàn quyền định đoạt. Vì vậy, Văn phòng C1 thực hiện việc công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên là đúng với quy định của pháp luật.

Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B khẳng định: Việc thực hiện công chứng Văn bản phân chia di sản nêu trên của Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và trình tự thủ tục công chứng.

Việc nguyên đơn khởi kiện đưa ra yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 11337, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2020 vô hiệu vì lí do nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất nêu trên từ ngày 22/4/2001 của hộ ông J và bà U, Văn phòng C1 có ý kiến như sau:

- Thứ nhất, tại thời điểm công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B không tiếp nhận được bất kì thông tin hay văn bản khiếu nại nào liên quan đến việc tranh chấp phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, trong đó bao gồm cả việc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

Thứ hai, quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên cũng không có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hay bị kê biên hoặc cấm chuyển dịch quyền về tài sản,

Thứ ba, tại thời điểm công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản nêu trên, các đồng thừa kế là người có lỗi trong việc khai nhận thiếu trung thực tại Văn phòng công chứng và họ phải chịu trách nhiệm do lỗi của mình. Một lần nữa, Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B khẳng định: chúng tôi không có lỗi.

**** Theo văn bản ghi ý kiến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 trình bày:***

Ngày 12/5/2021 bà H'N1 Kễn có đến Văn phòng C2 yêu cầu văn phòng chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho bà HX đối với Quyền sử dụng đất số: DA 113924: số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS-14432 do Sở T cấp cho bà bà HN1 ngày 29/4/2021, thửa đất số 185 (tách từ thửa 3); tờ bản đồ 75: địa chỉ thửa đất: Xã H, TP BM; diện tích 990.7 m² trong đó có 150 m² đất ở nông thôn và 840.7 m² đất trồng cây lâu năm)

Về đối tượng hợp đồng: bà HN1 cung cấp cho văn phòng Công chứng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, qua xem xét nguồn gốc thửa đất, Văn phòng xác định: Quyền sử dụng đất nói trên do bà HN1 nhận thừa kế, là tài sản riêng hợp pháp của bà. Qua kiểm tra trên hệ thống quản lý đất đai, quản lý công chứng của Sở Tư Pháp và Sở T, quyền sử dụng đất của bà bà HN1 không thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn; không thể hiện đã chuyển nhượng cho người khác. Vì vậy, bà H'N1 Kễn có toàn quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên.

Về chủ thể hợp đồng: Khi yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng. Bà HN1 cung cấp cho Văn phòng đầy đủ chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú bản gốc chứng minh bà HN1 đúng là chủ sở hữu quyền sử dụng đất trong giao dịch chuyển nhượng.

Ông Bùi Văn C cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng thửa đất nói trên từ 22/4/2001 của hộ ông J đồng thời đã sử dụng đất từ đó đến nay, nhưng trong đơn khởi kiện ông Bùi Văn C chỉ nêu là ông có nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất khoảng 2000m² tại xã H, không nêu rõ số hiệu thửa đất, số tờ bản đồ, nên không thể xác định thửa đất mà ông C đã nhận chuyển nhượng là thửa đất nào, đồng thời ông C cũng không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ông đã nhận chuyển nhượng.

Thửa đất đã được đo đạc, tách thửa và cấp đổi giấy chứng nhận nhiều lần không có thông tin nào trùng khớp với đơn khởi kiện của ông C: Trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0005323 do Văn phòng chứng nhận ngày 12/5/2021, bà HN1 chỉ chuyển nhượng thửa đất có diện tích 990,7m² trong khi đó đơn khởi kiện của ông C lại ghi có nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất khoảng 2.000m²

Từ các lý do trên đây, Văn phòng C2, tỉnh Đắk Lắk khẳng định việc ông Bùi Văn C yêu cầu TAND thành phố Buôn Ma Thuột hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0005323 do Văn phòng chứng nhận ngày 12/5/2021 là không có căn cứ.

**** Theo văn bản trình bày ý kiến bà HN1 trình bày:***

Tôi không đồng ý việc ông Bùi Văn C yêu cầu tòa án tuyên hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 11337 của hộ gia đình tôi. Vì văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 11337 của hộ gia đình tôi không liên quan đến ông C và do tất cả các thành viên trong gia đình tôi tự nguyện thỏa thuận tại văn phòng công chứng đúng theo quy định pháp luật;

Tôi không đồng ý việc ông Bùi Văn C yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa tôi với bà HX. Vì năm 2001, hộ gia đình tôi có chuyển nhượng cho bà HX hai thửa đất, bà HX đã giao tiền đầy đủ và hộ gia đình tôi đã bàn giao đất có ranh giới rõ ràng. Sau khi bố mẹ tôi chết hộ gia đình tôi đã đến văn phòng công chứng để lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thống nhất để tôi đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó tách thửa đất và ký hợp đồng chuyển nhượng qua công chứng cho bà HX đúng theo quy định pháp luật, bà HX đã nhận sổ đỏ đứng tên bà. Hai thửa đất đã chuyển nhượng tôi không còn liên quan gì.

**** Theo văn bản trình bày ý kiến bà HX trình bày:***

Tôi không đồng ý việc ông Bùi Văn C yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa tôi với bà HN1 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa tôi và ông YP, vì năm 2001 hộ gia đình tôi có nhận chuyển nhượng 02 thửa đất của hộ gia đình ông Y D và giao tiền đầy đủ. Thời điểm này do chị gái tôi là bà HR không có nhà ở nên tôi có cho chị mượn nhà để ở. Sau đó, tôi đã chuyển nhượng 02 thửa đất và căn nhà cho ông YP. Bà HR tiếp tục thuê lại nhà và đất của ông Y P để ở. Hiện tôi không còn liên quan gì đến hai thửa đất nêu trên.

**** Theo đơn kiến nghị người làm chứng ông Y Yên M trình bày:***

Tôi là buôn trưởng Buôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 31/10/2023 ông Bùi Văn C có đem một giấy xác nhận tới nhờ tôi ký về việc xác nhận những người làm chứng trong giấy xác nhận có hộ khẩu tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk còn nội dung trong đơn thì tôi không xác nhận vì tôi không biết và không liên quan.

**** Theo đơn kiến nghị người làm chứng ông Y Sem N1 và ông Y Su K14 trình bày:***

Vào ngày 31/10/2023 ông Bùi Văn C có đem một giấy xác nhận tới nhờ tôi ký, đối với sự việc và nội dung tranh chấp như thế nào thì tôi không biết.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bà bà H'N2 Kễn, bà H'N3 Kễn, bà H'N4 Kễn, ông Y'S Kễn, ông Y'S1 Kễn, bà H'N5 Kễn, ông Y S2 Kễn, bà H N6 Kễn; Người làm chứng là ông Y Thanh Ê7, ông Y Wem H4 đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do đó Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của những người này đối với việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 208/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C về việc:

1.1. Tuyên hủy đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 11337 quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2020 tại Văn phòng công chứng Đ;

1.2. Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 00005323 quyền số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/5/2021 tại Văn phòng công chứng T3 được thực hiện giữa bà HN1 và bà HX;

1.3. Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 002284 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/10/2021 tại Văn phòng công chứng T4 được thực hiện giữa bà bà HX và ông YP;

1.4. Tuyên hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 066062003152/HĐTC ngày 03/6/2022 giữa Ngân hàng N3, chi nhánh C, phòng G và ông YP;

1.5. Đề nghị Toà án kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 187, 185, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk cho ông Bùi Văn C và bà H R cho đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định theo kết quả giải quyết của Tòa án công nhận quyền sử dụng đất này là của ông Bùi Văn C và bà HR;

1.6. Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất 187, 185, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk cùng tài sản trên đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2024 ông Bùi Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Bùi Văn C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông YP trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 208/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn C làm trong thời hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo ông Bùi Văn C trình bày thì: 02 thửa đất số 187, 185, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại xã H, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk mỗi thửa khoảng 1000m² và một căn nhà cấp 4 là tài sản chung của ông Bùi Văn C và bà HR đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký biến động sang tên cho ông YP có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông J, bà U vào ngày 22/4/2001, là một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ số 09A, tọa lạc tại xã H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk, được U1 cấp Giấy CNQSD đất số R 403163 ngày 29/11/2001 cho hộ ông J. Sau đó ông J, bà U chết nên chưa làm thủ tục sang tên. Năm 2014, bà HR làm đơn xin ly hôn ông Bùi Văn C. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa ông và bà HR do các con ông J, bà U tự ý làm thủ tục phân chia di sản thừa kế và chuyển nhượng 02 tài sản đã chuyển nhượng cho ông, bà cho người khác nên ông C đã rút yêu cầu khởi kiện chia hai tài sản này.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Bùi Văn C thì thấy:

[3.1] Tại biên bản họp gia đình ngày 04/5/2015 được UBND xã H xác nhận vào ngày 05/5/2015 (BL 209) thể hiện: Biên bản họp gia đình có 11 (mười một) người con của ông J, bà U gồm (bà H'N2 Kễn, bà H'N3 Kễn, bà H'N4 Kễn, ông Y'S Kễn, ông Y'S1 Kễn, bà H'N5 Kễn, ông Y S2 Kễn, bà H N6 Kễn, ông Y S3 Kễn, bà HN7 Kễn) thống nhất thỏa thuận xác định di sản của ông J, bà U là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 09A, có diện tích 3.005 m² tọa lạc tại xã H, TP B, tỉnh Đắk

Lăk, được U1 cấp Giấy CNQSD đất số R 403163 cho hộ ông J. Tại văn bản họp gia đình những người thừa kế đều xác định ông J, bà U đã chuyển nhượng 2000m² (300m² đất thổ cư và 1.700m² đất nông nghiệp) cho bà H R vào năm 2001. Diện tích đất còn lại 1.005m² do không để lại di chúc nên để thuận tiện cho việc sang tên và tách thửa đất cho bà H R, 10 người thừa kế (bà H'N2 Kễn, bà H'N3 Kễn, bà H'N4 Kễn, ông Y'S Kễn, ông Y'S1 Kễn, bà H'N5 Kễn, ông Y S2 Kễn, bà H N6 Kễn, ông Y S3 Kễn, bà HN7 Kễn) thống nhất khước từ di sản thừa kế giao cho bà HN1 được toàn quyền sở hữu 1.005m² và có nghĩa vụ sang tên và tách thửa đất đã sang nhượng cho bà H R theo quy định của pháp luật.

[3.2] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2016 của bà H N7 (BL 207) là con của ông J, bà U, khai rằng “*Cha mẹ tôi sinh tất cả 14 người con*”.

[3.3] Tại đơn khởi kiện xin ly hôn của bà H R được UBND xã H xác nhận ngày 15/10/2014 (bút lục 21) được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý số: 823/2014/TLST- HNGĐ ngày 03/11/2014. Trong đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án ly hôn bà H R thừa nhận: Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng đến năm 2004 mới đi đăng ký kết hôn và có 04 con chung. Con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2001. Quá trình sống chung bà và ông C có nhiều tài sản chung trong đó có 02 thửa đất mỗi thửa khoảng 1000 m² ở tại xã H, TP BM, tỉnh Đắk Lăk, trên một lô đất có căn nhà cấp 4 vợ chồng và các con sử dụng cho đến nay. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông J, bà U. Khi ly hôn bà H R chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về tài sản chung bà cho rằng tự thỏa thuận được và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, có căn cứ xác định 02 thửa đất này là tài sản chung của ông C, bà H R.

[3.4] Tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 11337 ngày 16/10/2020 tại Văn phòng C1 chỉ có 09 người con của ông J, bà U gồm: (Bà H'N1 Kễn, bà H'N2 Kễn, bà H'N3 Kễn, bà H'N4 Kễn, ông Y'S Kễn, ông Y'S1 Kễn, bà H'N5 Kễn, ông Y S2 Kễn, bà H N6 Kễn) đồng ý khước từ di sản thừa kế của ông J, bà U giao cho bà HN1 được toàn quyền sở hữu tài sản là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 09A, có diện tích 3.005 m² tọa lạc tại xã H, TP BM, tỉnh Đắk Lăk, được U1 cấp Giấy CNQSD đất số R 403163 cho Hộ ông J.

[3.5] Sau đó, bà HN1 tiến hành làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 09A thành 03 thửa cụ thể: Thửa đất số 185, 186, 187 tờ bản đồ 75. Thửa đất **185, 187** bà HN1 đã chuyển nhượng cho bà HX; còn thửa đất số **186** đã được bà HN1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Phương T2 và ông Phạm Văn B1.

[3.6] Ngày 27/5/2021, bà HX ban được cấp giấy CNQSD đất Đối với thửa đất số 185, 187. Sau đó, bà H X tiếp tục chuyển nhượng 02 thửa đất này cho ông Y P là anh ruột của bà HR và bà HX. Ngày 17 tháng 11 năm 2021 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BM chính lý biến động sang tên ông YP.

[3.7] Hiện nay đối với 02 thửa đất này ông YP đã thế chấp cho Ngân hàng N3 chi nhánh huyện C, phòng G và thế chấp cho ông YB để vay tiền.

[4] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy: Tại các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông J, bà U có mâu thuẫn về số lượng những được thừa kế. Nội dung tại các văn bản thỏa thuận khác nhau. Toà án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ số lượng những được hưởng thừa kế của ông J, bà U xác định thực tế là bao nhiêu người? chưa làm rõ việc diện tích đất ông J, bà U đã chuyển nhượng cho bà H1 Eben từ năm 2001, Tại sao đến năm 2020 những người thừa kế lại thỏa thuận giao phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà HR cho bà HN1 chuyển nhượng cho bà HX?

Xét việc Toà án cấp sơ thẩm xác định thiếu người thừa kế của ông J, bà U, là đưa thiếu người thừa kế vào tham gia tố tụng, đánh giá chứng cứ chưa khách quan và chưa chính xác, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn C.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí HNGĐ sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Bùi Văn C không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bùi Văn C.

- Hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 208/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về chi phí tố tụng và án phí HNGĐ sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí HNGĐ phúc thẩm: Ông Bùi Văn C không phải chịu tiền án phí HNGĐ phúc thẩm.

Trả lại cho ông Bùi Văn C 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005218 ngày 24/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐĂKLĂK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Tuyết

Hội thẩm nhân dân: Bà H' Lít H Wing và ông Nguyễn Thành An

Căn cứ vào Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự; Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2016 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: “ Ly Hôn” thụ lý số: 67/2015/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2015 giữa;

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu Hà – Sinh năm 1968

Địa chỉ: Buôn Niêng 1, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Lâm Đào – Sinh năm 1959

Địa chỉ: Buôn Niêng 1, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Lý do thảo luận: Bị đơn ông Nguyễn Lâm Đào đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Xét thấy: Cần phải hoãn phiên tòa để đảm bảo về thủ tục tố tụng.

Sau khi thảo luận : Hội đồng xét xử biểu quyết như sau

Căn cứ vào Điều 199, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%) .

Biên bản lập xong vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2016 có đọc lại cho mọi người cùng nghe và thống nhất ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa